

NHÌN LẠI CUỘC TỔNG KẾT NGHIÊN CỨU VỀ TỘC NGƯỜI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1980 ĐẾN NAY VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU TRONG THỜI GIAN TỚI

VƯƠNG XUÂN TÌNH

Bối cảnh

Trong một đất nước đa dân tộc như Việt Nam, tộc người có vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển của đất nước. Bởi vậy, có thể nói, trọng tâm của Dân tộc học Việt Nam là vấn đề tộc người, và ngay cả hiện nay, khi Dân tộc học của nước ta đang có xu hướng chuyển sang Nhân học, tộc người vẫn là đối tượng cơ bản của ngành khoa học này. Đây không chỉ là đặc thù của Việt Nam mà còn là một xu hướng của thế giới sau Chiến tranh Lạnh kết thúc, kể cả những nước có nền Nhân học phát triển như ở Mỹ, song vấn đề tộc người vẫn được coi trọng (Nguyễn Văn Chính, 2013, tr. 103-114).

Nhận thức được vấn đề nêu trên, năm 2012, Viện Dân tộc học khởi xướng chương trình tổng kết nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay. Giới hạn dấu mốc vào năm 1980, bởi đây là thời điểm sau khi bản *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam* được Chính phủ ủy nhiệm cho Tổng cục Thống kê công bố năm 1979 đến nay vẫn còn nguyên giá trị khoa học và pháp lý. Kể từ đó, trải qua hơn 30 năm, ngành Dân tộc học/Nhân học Việt Nam đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp đại đoàn kết và phát

triển của các dân tộc, cho sự phát triển của khoa học xã hội của đất nước, song ngoại trừ bộ sách hai tập *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (1978; 1984) ra đời vào thời điểm bản *Danh mục* được công bố và công trình *Dân tộc học Việt Nam thế kỷ XX và nửa đầu thế kỷ XXI* [Khổng Diễm - Bùi Minh Đạo (Chủ biên), 2003] với trọng tâm bàn về sự phát triển của ngành khoa học này, nước ta chưa có cuộc tổng kết trọn vẹn nào về nghiên cứu tộc người trên cả hai phương diện: tác nghiệp nghiên cứu và những biến đổi kinh tế - xã hội của các dân tộc (Vương Xuân Tình, 2013a, tr. 7-14).

Khởi xướng chương trình tổng kết nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay, Viện Dân tộc học hướng đến ba mục tiêu chính: 1. Nhận diện nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam kể từ sau năm 1980; 2. Đề xuất định hướng nghiên cứu trong thời gian tới; và 3. Kết nối hợp tác giữa Viện Dân tộc học với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đào tạo và làm công tác dân tộc liên quan đến vấn đề tộc người. Để thực hiện các mục tiêu đã nêu, Viện Dân tộc học triển khai ba nội dung tương ứng: i. Đánh giá các thành tựu và hạn chế của nghiên cứu về tộc người từ năm 1980 đến nay; ii. Xác định các vấn đề đặt ra trong

ngiên cứu thời gian tới; và iii. Thực hiện hợp tác trong nghiên cứu, đào tạo và xuất bản giữa Viện Dân tộc học với các tổ chức và nhà khoa học.

Nhằm đạt được các mục tiêu và nội dung nêu trên, chương trình công tác trọng tâm của Viện Dân tộc học trong giai đoạn 2012 - 2015 là hướng vào tổng kết nghiên cứu về tộc người từ năm 1980 đến nay trong sự hợp tác với các tổ chức và nhà khoa học có liên quan.

1. Những hoạt động của tổng kết nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay

Có nhiều công việc liên quan đến cuộc tổng kết, trong đó có các hoạt động chính sau đây:

- *Tổ chức 4 Hội nghị Thông báo Dân tộc học và công bố kết quả của các Hội nghị*

Để thực hiện cuộc tổng kết đã nêu, Viện Dân tộc học đã tổ chức 4 Hội nghị Thông báo Dân tộc học trong 4 năm (2012 - 2015), trong đó có 3 Hội nghị của các năm 2012, 2013 và 2014 tập trung đánh giá những thành tựu đạt được. Nội dung chính của 3 Hội nghị này là xem xét việc sử dụng các cách tiếp cận, lý thuyết trong nghiên cứu; đánh giá kết quả nghiên cứu về 54 dân tộc ở Việt Nam thuộc 7 nhóm ngôn ngữ (Việt - Mường, Tày - Thái Ka đai, Môn - Khơ-me, Hmông - Dao, Hán, Tạng - Miến, Mã Lai - Đa Đảo); và nhìn nhận vấn đề nghiên cứu tộc người ở một số nước trên thế giới. Qua 3 Hội nghị, Viện Dân tộc học đã nhận được hơn 300 báo cáo cùng nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học chuyên ngành và liên ngành trong cả nước. Sau mỗi Hội nghị, Viện đã phối hợp với Tạp chí Dân tộc học tuyển chọn những báo cáo có chất

lượng để xây dựng số chuyên đề (số kép) vào đầu năm tiếp theo. Các số 1&2 của những năm 2013, 2014 và 2015 đăng tải hơn 40 bài nghiên cứu, phản ánh kịp thời nội dung của Hội nghị Thông báo Dân tộc học các năm 2012, 2013, 2014 nhằm phục vụ tổng kết nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam¹. Trên cơ sở tổng kết đã nêu, năm 2015, Viện Dân tộc học tiếp tục tổ chức Hội nghị Thông báo Dân tộc học với chủ đề: “*Nghiên cứu tộc người ở Việt Nam từ năm 2016 - 2020 và tầm nhìn 2030*”. Trong hơn 100 báo cáo gửi đến, Ban Tổ chức đã lựa chọn hơn 70 báo cáo. Hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2015 cũng có hàng trăm đại biểu ở Hà Nội và các địa phương tham dự, đóng góp nhiều ý kiến quý báu. Để công bố kết quả chất lượng của Hội nghị này, Tạp chí Dân tộc học đã xây dựng số 1&2 của năm 2016 là số chuyên đề “*Định hướng nghiên cứu về tộc người trong thời gian tới*”.

Cần lưu ý thêm rằng, trong các Hội nghị Thông báo Dân tộc học đã nêu, tuy không phải tất cả báo cáo gửi đến đều có nội dung trực tiếp liên quan đến chủ đề Hội nghị, song nội dung trình bày và thảo luận của Hội nghị đều hướng vào vấn đề trọng tâm là tổng kết nghiên cứu tộc người ở Việt Nam, một số bài học trên thế giới và định hướng nghiên cứu trong thời gian tới.

- *Tái bản bộ sách “Các dân tộc ít người ở Việt Nam”*

Để tổng kết nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam, một trong những công việc cần thiết là tái bản bộ sách *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* gồm 2 tập, được xuất bản lần

¹ Xem Tạp chí Dân tộc học, các số chuyên đề (kép) thứ nhất, thứ hai và thứ ba: 1&2 - 2013, 1&2 - 2014, 1&2 - 2015 về “*Nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay*”.

đầu vào các năm 1978 và 1984 dựa trên kết quả chủ yếu của cuộc điều tra, xác minh thành phần dân tộc ở Việt Nam do Viện Dân tộc học phối hợp với các tổ chức có trách nhiệm tiến hành vào cuối những năm 60 và trong những năm 70 của thế kỷ trước (Viện Dân tộc học, 1978; 1984). Kết quả của cuộc điều tra, xác minh thành phần dân tộc chính là cơ sở khoa học để Nhà nước cho phép công bố bản *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam* vào năm 1979. Bởi vậy, công trình sách *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* là thành tựu khoa học lớn lao của Viện Dân tộc học, đóng góp nhiều mặt cho nghiên cứu về vấn đề tộc người ở Việt Nam; góp phần quan trọng cho công tác dân tộc và sự nghiệp phát triển của các dân tộc ở nước ta; là sách công cụ không thể thiếu trong nghiên cứu và đào tạo về Dân tộc học/Nhân học; tài liệu tham khảo có giá trị cho các nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam và cho các học giả quốc tế; đáp ứng nhu cầu hiểu biết về các dân tộc ở Việt Nam (Vương Xuân Tình, 2014b, tr. 9).

Nhằm tiếp tục khẳng định giá trị của công trình và đáp ứng nhu cầu của xã hội, năm 2013, lãnh đạo Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã giao cho Viện Dân tộc học thực hiện Nhiệm vụ “Tái bản (có sửa chữa, bổ sung) bộ sách “Các dân tộc ít người ở Việt Nam”, do PGS. TS. Vương Xuân Tình, Viện trưởng Viện Dân tộc học làm Chủ nhiệm. Tái bản công trình sách nêu trên, quan điểm chung của Chủ nhiệm và những người thực hiện Nhiệm vụ là phải đảm bảo tính lịch sử của công trình; bên cạnh đó, chỉ sửa chữa, bổ sung những gì thật cần thiết. Việc tái bản công trình này, ngoài đáp ứng mục đích và nhu cầu đã nêu, còn góp phần

cho tổng kết nghiên cứu về tộc người ở nước ta từ năm 1980 đến nay (Viện Dân tộc học, 2014a; 2014b).

- *Chương trình nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay của Viện Dân tộc học*

Cùng với việc tổ chức các Hội nghị Thông báo Dân tộc học, Viện Dân tộc học đã xây dựng chương trình nghiên cứu về tộc người từ năm 1980 đến nay. Chương trình này được dựa trên nguồn kinh phí của đề tài cấp cơ sở do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam cấp hàng năm. Cách tổ chức nghiên cứu của chương trình là “gói sóng” với 3 Hội nghị Thông báo Dân tộc học. Cụ thể, năm 2012, chủ đề Hội nghị Thông báo Dân tộc học là “*Nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay: Vấn đề chung và các dân tộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái Ka đai*”; năm 2013, chương trình nghiên cứu của Viện Dân tộc học là: “*Biến đổi kinh tế - xã hội của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái Ka đai từ năm 1980 đến nay*”. Tương tự, năm 2013, trong Hội nghị Thông báo Dân tộc học, ngoài những vấn đề chung, trọng tâm của Hội nghị là thảo luận kết quả nghiên cứu về các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me; năm 2014 - về các dân tộc nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao, Hán, Tạng - Miến và Mã Lai - Đa Đảo; và để “gói sóng”, chương trình nghiên cứu của Viện Dân tộc học trong các năm 2014 và 2015 cũng hướng vào những dân tộc của các nhóm ngôn ngữ được thảo luận trong Hội nghị Thông báo Dân tộc học trước đó một năm. Cách tổ chức như vậy sẽ kết hợp tốt kết quả của Hội nghị Thông báo Dân tộc học với nghiên cứu của Viện.

Nghiên cứu về các dân tộc ở Việt Nam từ sau năm 1980 chỉ thực hiện trong 3 năm là nhiệm vụ rất nặng nề, trong khi nguồn lực của Viện Dân tộc học lại có hạn. Vì thế, Viện đã tổ chức nghiên cứu điền dã kết hợp với tổng quan. Theo đó, có 19 dân tộc được thực hiện nghiên cứu có điền dã², số còn lại chỉ nghiên cứu qua tổng quan tài liệu. Dù nghiên cứu qua tổng quan hay nghiên cứu có điền dã, mỗi tộc người thường được xem xét với 3 nội dung chính: 1. Tình hình nghiên cứu từ năm 1980 đến nay; 2. Những biến đổi về kinh tế - xã hội từ năm 1980 đến nay; và 3. Một số vấn đề đặt ra về nghiên cứu và sự phát triển của tộc người đó. Tham gia nghiên cứu, ngoài cán bộ của Viện Dân tộc học, còn có những nhà khoa học của cơ quan khác.

- *Biên soạn bộ sách “Các dân tộc ở Việt Nam”*

Dựa trên kết quả chủ yếu của chương trình nghiên cứu cấp cơ sở trong 3 năm (2013 - 2015), Viện Dân tộc học đã tiến hành biên soạn bộ sách *Các dân tộc ở Việt Nam*, do PGS. TS. Vương Xuân Tình làm Chủ biên. Bộ sách được xây dựng thành 4 tập: Tập I, “Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường”; Tập II, “Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Ka đai”; Tập III, “Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me”; Tập IV, “Nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao, Hán, Tạng - Miến và Mã Lai - Đa Đảo”. Để biên soạn bộ sách, ngoài các cán bộ trong cơ quan, Viện Dân tộc học tiếp tục mời một số nhà khoa học khác tham gia. Bên cạnh dựa

² Đó là 19 dân tộc trong tổng số hơn 30 dân tộc còn ít được nghiên cứu kể từ năm 1980 đến nay. Năm 2013, cán bộ Viện Dân tộc học đã thực hiện điền dã ở 6 dân tộc, gồm: Thổ, Giáy, Lào, La Chí, Bố Y, Pu Páo; năm 2014 - ở 7 dân tộc: Ô-đu, Mảng, Mạ, Mnông, Tà-ôi, Xơ-đăng, Bru-Vân Kiều; và năm 2015 - ở 6 dân tộc: Ngái, Công, Si La, La Hủ, Chu-ru, Raglai.

trên kết quả của đề tài cấp cơ sở của Viện, các tác giả còn chỉnh sửa, bổ sung qua nhiều nguồn tư liệu khác. Trong quá trình biên soạn từ năm 2013 đến năm 2016, Viện đã tổ chức hơn 20 cuộc tọa đàm để các tác giả trình bày kết quả biên soạn, nhận sự góp ý của các cán bộ nhận xét, biên tập và người tham dự. Bộ sách này đã được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia đưa vào ấn hành và thuộc danh mục sách Nhà nước đặt hàng. Về nội dung, ngoài “Lời nói đầu”, bài “Tổng luận nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay” (in trong Tập I) và phần Kết luận (sẽ in trong Tập IV), mỗi tộc người thường được biên soạn với 5 nội dung: i. Tình hình nghiên cứu từ năm 1986 đến nay; ii. Hoạt động kinh tế; iii. Đời sống xã hội; iv. Đời sống văn hóa; v. Những vấn đề đặt ra về phát triển³.

Năm 2015, Tập I của bộ sách *Các dân tộc ở Việt Nam* đã được xuất bản [Viện Dân tộc học, Vương Xuân Tình (Chủ biên), 2015]. Dự kiến các tập còn lại sẽ được xuất bản trong năm 2016.

- *Xây dựng kế hoạch xuất bản tập sách “Tộc người và phát triển (một số nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam)”*

Để công bố nhiều hơn nữa kết quả của 4 Hội nghị Thông báo Dân tộc học đã nêu, năm 2016, Viện Dân tộc học đã xây dựng kế hoạch xuất bản tập sách *Tộc người và phát triển (một số nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam)*, sẽ do Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội ấn hành. Tập sách tập hợp gần

³ Chủ biên và các tác giả lấy thời điểm từ năm 1986 - thời điểm thực hiện Đổi mới của Việt Nam để có sự tương thích với nhiều công trình nghiên cứu đã thực hiện. Trong bộ sách này, chỉ có dân tộc Kinh (Việt), do lần đầu được trình bày toàn diện nên có dung lượng và cấu trúc khác.

100 bài nghiên cứu, chủ yếu được lựa chọn qua 4 Hội nghị Thông báo Dân tộc học (2012 - 2015) do Viện Dân tộc học chủ trì. Dự kiến, tập sách có dung lượng khoảng 1.000 trang.

Ngoài các hoạt động trực tiếp nêu trên, một số nghiên cứu khác của Viện Dân tộc học trong thời gian 2012 - 2016 cũng góp phần quan trọng cho tổng kết nghiên cứu về tộc người, đặc biệt là xác định các thành tựu và xu hướng phát triển, biến đổi của các dân tộc ở nước ta từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới vào năm 1986 đến nay. Đó là các đề tài nghiên cứu đã hoàn thành hoặc đang triển khai ở giai đoạn cuối, như: Đề tài cấp Nhà nước về quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong phát triển bền vững Tây Nguyên; hệ thống ba đề tài cấp Bộ về quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở các vùng miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ; làng người Tày ở Lạng Sơn trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập; nghiên cứu, xử lý và báo cáo kết quả điều tra khảo sát về các biến đổi kinh tế và quan hệ gia đình từ cuộc điều tra khảo sát năm 1981 với 6 dân tộc thiểu số: Tày, Nùng, Mường, Thái, Chăm và Khơ-me; quan hệ tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập; một số lý thuyết dân tộc học/nhân học văn hóa - xã hội và việc ứng dụng nghiên cứu tộc người ở nước ta hiện nay; một số vấn đề về đời sống xã hội và văn hóa của ngư dân ven biển và hải đảo Trung và Nam Trung Bộ; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh kế của các dân tộc ở miền núi phía Bắc; biến đổi của cộng đồng cư dân theo đạo Tin Lành ở miền núi phía Bắc...

2. Những vấn đề rút ra qua tổng kết nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam

Qua cuộc tổng kết, có nhiều vấn đề được rút ra song trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung vào hai lĩnh vực then chốt, đó là nghiên cứu và sự phát triển, biến đổi của các tộc người. Từ đó, có thể nêu lên một số điểm chính như sau:

1. *Vấn đề dân tộc được quan tâm rất sâu sắc.* Ở Việt Nam, do điều kiện đặc thù của lịch sử, nhất là lịch sử đương đại, nên vấn đề dân tộc luôn được quan tâm. Tuy nhiên, trước năm 1975, sự quan tâm về vấn đề này chủ yếu gắn với độc lập, giải phóng dân tộc và có quan hệ chặt chẽ với đấu tranh giai cấp⁴. Bởi vậy, nhiệm vụ lớn lao trong công tác dân tộc cũng như nghiên cứu của giai đoạn này là góp phần tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sự tham gia của các dân tộc trong công cuộc giải phóng và bảo vệ đất nước. Theo đó, nghiên cứu về tộc người (Ethnicity) không thể tách rời mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc (Nation - State); và ở giai đoạn này, vấn đề cộng đồng quốc gia - dân tộc rất được chú trọng.

Sự biến chuyển về tương quan trong nghiên cứu nêu trên đã diễn ra khi hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ và Chiến tranh Lạnh kết thúc. Tại Đông Âu và một số nơi khác trên thế giới, xung đột tộc người bùng phát, vừa là nguyên nhân vừa là hệ quả tan rã của một số quốc gia. Điều ấy khiến cho thế giới, trong đó có Việt Nam, phải nhận thức lại vấn đề dân tộc. Với những nước có truyền thống về Nhân học, các học

⁴ Thời điểm năm 1975 dùng để làm mốc thời gian xem xét cũng chỉ có ý nghĩa tương đối. Thực ra, khuynh hướng nghiên cứu được đề cập sau đây còn nối tiếp đến cuối những năm 80 của thế kỷ trước.

giả cũng xem xét lại và phát triển hướng nghiên cứu Nhân học tộc người (Anthropology of Ethnicity). Năm 1993, một hội thảo được tổ chức tại Amsterdam (Hà Lan) với chủ đề: “Nhân học tộc người: Nhận thức lại có tính phê phán” (Anthropology of Ethnicity: A Critical Review) đã bàn về Nhân học tộc người với việc thảo luận công trình của F. Barth về nhóm tộc người và biên giới tộc người được xuất bản từ 24 năm trước (Barth, 1969); qua đó, các học giả nhận thức lại vấn đề tộc người trong bối cảnh mới (Vermeulen & Govers, 2000).

Ở Việt Nam, tuy vấn đề dân tộc chưa trở thành nóng bỏng, song không phải không có những xung đột cục bộ và tiềm ẩn các xung đột khác. Bằng chứng là, đã xảy ra bạo loạn ở Tây Nguyên vào những năm 2001 và 2004 mà các lực lượng quá khích của một số dân tộc tại chỗ được hỗ trợ của các thế lực bên ngoài đã chủ trương đuổi người Kinh (Việt) ra khỏi Tây Nguyên và thành lập Nhà nước Đè Ga; ngoài ra, một số xung đột với chính quyền còn xảy ra ở người Khơ-me vùng Tây Nam Bộ (2007); ở người Hmông tại Tây Bắc (2011). Trước tình hình đó, vấn đề dân tộc luôn gắn bó chặt chẽ với sự ổn định chính trị, với chủ quyền quốc gia và sự phát triển của cộng đồng quốc gia - dân tộc. Bởi vậy, cùng với tôn giáo, vấn đề dân tộc - thực chất là về mối quan hệ của tộc người với quốc gia - dân tộc được quan tâm đặc biệt, thậm chí được coi là vấn đề nhạy cảm ở Việt Nam hiện nay [Phan Hữu Dật (Chủ biên), 2001; Vương Xuân Tình, 2013b, tr. 4-13; 2015b, tr. 20-26].

Như đã trình bày, với Dân tộc học Việt Nam, tộc người là đối tượng nghiên cứu chủ yếu. Từ đầu những năm 2000 đến nay, mặc

dù Dân tộc học nước ta đang có xu hướng đổi mới để chuyển sang Nhân học, song với Viện Dân tộc học, nhiệm vụ trọng tâm vẫn là nghiên cứu cơ bản, toàn diện về vấn đề dân tộc ở Việt Nam. Ngay tại những cơ sở đào tạo mang tên Nhân học, tộc người vẫn được quan tâm (Lâm Bá Nam và cộng sự, 2013, tr. 15-23). Thực ra, đây cũng là xu hướng chung của nền Nhân học ở nhiều nước trên thế giới. Theo tác giả Nguyễn Văn Chính (2015, tr. 135-142), quan tâm học thuật và nghiên cứu về các dân tộc bản địa và thiểu số, vốn được xem là cư dân “nguyên thủy và mông muội” trước đây hay “các xã hội cổ truyền” hiện nay vẫn là dòng chảy chủ đạo trong nghiên cứu Nhân học ở các nước Đông Nam Á.

2. *Sự phát triển số lượng và phong phú về nội dung trong nghiên cứu tộc người.* Một thống kê chưa đầy đủ của Vương Xuân Tình (2013a, tr. 7-14) đã phản ánh phần nào thành tựu nghiên cứu về tộc người ở nước ta trong thời gian 1980 - 2012 qua số lượng các công trình được công bố: có gần 1.700 đầu sách⁵ và hơn 1.800 bài đăng trên Tạp chí Dân tộc học. Ở bài viết “Tổng quan về Dân tộc học Việt Nam trong một thế kỷ qua”, trong *Dân tộc học Việt Nam thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI*, tác giả Không Diễm cho biết, qua thống kê của bản “Danh mục sách xuất bản từ những năm 50 (thế kỷ XX) đến nay

⁵ Việc thống kê chỉ được thực hiện qua thư mục của Thư viện Viện Dân tộc học. Vừa qua, có những cán bộ Viện Dân tộc học đã thử nghiệm thống kê các nghiên cứu về một số tộc người qua thư mục online của Thư viện Quốc gia, song kết quả lại không phong phú bằng của Thư viện Viện Dân tộc học. Điều này có thể lý giải, Thư viện Quốc gia chưa đầu tư sâu cho xây dựng thư mục chuyên ngành, và sự hạn chế về thống kê với nội dung, cách thức nêu trên vẫn còn khó khắc phục.

(xếp theo năm xuất bản)”: trong thời gian từ 1957 - 1979, có 42 công trình được công bố (Khổng Diễn, 2003, tr. 29-31). Tóm lại, mặc dù việc thống kê về xuất bản phẩm liên quan đến tộc người ở cả hai giai đoạn có thể còn chưa công phu, song sự phát triển trong nghiên cứu về tộc người ở giai đoạn từ năm 1980 đến nay là điều khó phủ nhận.

Nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam hơn 30 năm qua đã phản ánh những khía cạnh cơ bản của vấn đề dân tộc ở Việt Nam. Điểm trọng tâm của vấn đề dân tộc là quan hệ dân tộc, trong đó có quan hệ nội tộc người, giữa các tộc người và tộc người với quốc gia - dân tộc. Lĩnh vực này đã được nhiều công trình của các thế hệ nghiên cứu đề cập khá sâu sắc (Vương Xuân Tinh, 2014a, tr. 7-21). Trong một quốc gia đa dân tộc, việc quản lý mối quan hệ dân tộc phải thông qua chính sách dân tộc. Đây là lĩnh vực cũng được nhiều nhà dân tộc học quan tâm, kể cả ở chính sách vĩ mô và chính sách vi mô, ở cấp độ xây dựng chính sách và thực hiện chính sách (Vương Xuân Tinh, 2015b, tr. 17-27). Văn hóa tộc người và những biến đổi kinh tế - xã hội ở các tộc người vẫn là những lĩnh vực được chú trọng hơn. Cùng với việc tiếp thu thế mạnh của Nhân học, các nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 1980 đến nay ngày càng quan tâm đến những vấn đề của xã hội đương đại, khắc phục hạn chế của Dân tộc học trước đây - do được đặt trong khoa học Lịch sử nên có xu hướng tìm hiểu nhiều hơn các vấn đề truyền thống của tộc người (Vương Xuân Tinh, 2013a, tr. 7-14).

3. *Sự thiên lệch trong nghiên cứu và hạn chế về lý thuyết nghiên cứu.* Một trong những nhiệm vụ quan trọng của tổng kết là cần chỉ ra những hạn chế về nghiên cứu tộc

người kể từ năm 1980 đến nay để khắc phục trong thời gian tới. Qua tổng kết, có hai phát hiện với ý nghĩa then chốt, đó là *sự thiên lệch trong nghiên cứu và hạn chế về lý thuyết nghiên cứu.*

Về sự thiên lệch, có một số biểu hiện. *Trước hết*, đó là những tộc người có dân số đông, ở địa bàn dễ tiếp cận; những dân tộc liên quan đến các biến cố được cho là “nhạy cảm” thường có nhiều nghiên cứu; còn những dân tộc dân số ít, ở địa bàn khó khăn thường ít được quan tâm (Vương Xuân Tinh, 2013a, tr. 7-14). Đây là tình trạng chung và có nguyên nhân từ nhiều phía, kể từ nguồn lực, việc xây dựng kế hoạch và cả tâm lý “dễ làm khó bỏ” (Luu Hùng, 2013, tr. 30-36; Lâm Bá Nam và cộng sự, 2013, tr. 15-23; Ma Ngọc Dung, 2013, tr. 49-57). *Thứ hai*, thiên lệch giữa các vùng nghiên cứu: vùng phía Bắc được chú trọng hơn trong so sánh với vùng Tây Nguyên và vùng Nam Bộ. *Thứ ba*, thiên lệch về nội dung nghiên cứu: nghiên cứu phát triển tuy có vượt lên so với giai đoạn trước năm 1980, song nhìn chung vẫn còn hạn chế so với nghiên cứu cơ bản. *Thứ tư*, nhiều nghiên cứu chú trọng sự đa dạng của các tộc người, nhưng chưa quan tâm sâu sắc đến sự thống nhất trong đa dạng của các dân tộc ở Việt Nam (Vương Xuân Tinh, 2013a, tr. 7-14).

Việc hạn chế về lý thuyết được thể hiện qua kết quả nghiên cứu. Có khá nhiều công trình còn nặng về miêu thuật dân tộc học, theo một cấu trúc truyền thống. Nhìn lại chặng đường nghiên cứu đã qua cho thấy, có hai lý thuyết với nhiều ảnh hưởng trong nghiên cứu của Dân tộc học/Nhân học Việt Nam, đó là thuyết *Vùng văn hóa - lịch sử (vùng lịch sử - dân tộc học)* và thuyết *Tương*

đối văn hóa. Thuyết *Vùng văn hóa - lịch sử* (vùng lịch sử - dân tộc học) của hai học giả Liên xô (cũ) là Trêbôcxarôp và Trêbôcxarôpva⁶ được GS. TS. Ngô Đức Thịnh truyền tải và phát triển ở Việt Nam vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ trước [Ngô Đức Thịnh (Chủ biên), 1993]. Thuyết *Tương đối văn hóa* (Cultural relativism) của nhà nhân học Mỹ - Franz Boas tuy xuất hiện từ cuối thế kỷ XIX⁷, song mới có ảnh hưởng trong giới nghiên cứu ở Việt Nam khoảng từ những năm 2000 [Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh (Đồng chủ biên), 2012, tr. 32-40]. Mặc dù cả hai lý thuyết trên được dẫn trong một số công trình nghiên cứu, song còn ít sự kiểm chứng và đánh giá có tính phê phán.

Nhìn lại các công trình đã công bố còn cho thấy, số công trình nghiên cứu thực nghiệm chưa nhiều - tức những công trình được dẫn dắt bởi lý thuyết, triển khai bằng một khung phân tích được thực hiện ở mẫu nghiên cứu và qua đó, rút ra các đánh giá, nhận định về khoa học. Việc hạn chế lý thuyết như đã nêu rõ ràng ảnh hưởng nhất định đến chất lượng nghiên cứu.

⁶ Khái niệm và các nghiên cứu về *vùng văn hóa* (Cultural region, Cultural area) cũng được một số nhà khoa học phương Tây đề cập từ nửa đầu thế kỷ XX. Điều đó có thể thấy qua ví dụ về công trình của các tác giả: F. J. Richards (1929), "Cultural Region in India", *Geography*, Vol. 15, No. 1, Pp. 20-29; Kroeber, Alfred L (1939), *Cultural and Natural Areas of Native North America*, University of California Press, Berkeley, CA.

⁷ Tư tưởng của thuyết *Tương đối văn hóa* được Franz Boas đề xuất từ những năm cuối thế kỷ XIX, song chỉ trở thành học thuyết có ảnh hưởng lớn sau khi ông mất - năm 1942, do được các học trò và đồng nghiệp của ông kế tục và phát triển. Có thể tham khảo thuyết này qua nghiên cứu của tác giả Nkeonye Otakpor: *Cultural Relativism: Some Comments*, trên trang <http://logica.ugent.be/philosophica/fulltexts/53-3.pdf>.

4. Dẫu còn một số hạn chế nhất định, song các nghiên cứu về tộc người ở nước ta trong hơn 30 năm qua về cơ bản đã *phản ánh sự phát triển và biến đổi của các dân tộc*. Nguyên nhân cơ bản của sự phát triển và biến đổi này trước hết do tác động của chính sách dân tộc. Theo Cao Văn Thanh, tính đến năm 2010, ở nước ta có hơn 40 chương trình, mục tiêu, dự án lớn được triển khai thực hiện cho phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số (Cao Văn Thanh, 2010, tr. 99-121); còn Đặng Kim Sơn và cộng sự (2012, tr. 52-53) cho rằng, tính đến năm 2011, đã có 182 chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số do Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ ban hành. Cùng với chính sách dân tộc, chính sách phát triển kinh tế thị trường cũng là nhân tố cơ bản tác động sâu sắc đến sự phát triển và biến đổi đó.

Với sự đầu tư của Nhà nước về cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, thông tin liên lạc) qua Chương trình 135 và nhiều chương trình, dự án khác làm cho miền núi, vùng sâu vùng xa - nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào các dân tộc thiểu số được kết nối dễ dàng với đồng bằng, đô thị, thậm chí với quốc tế. Kinh tế hàng hóa hầu như đã thâm nhập đến từng bản làng của đồng bào các dân tộc: không chỉ tiện nghi sinh hoạt, mà ngay cả sinh kế của đồng bào cũng ngày càng gắn bó hơn với thị trường, làm thay đổi nền kinh tế tự cấp tự túc từng tồn tại lâu đời ở hầu hết các dân tộc thiểu số. Cơ cấu kinh tế tại nhiều địa phương có sự biến đổi sâu sắc, đó là nền nông nghiệp gắn với hàng hóa; nông nghiệp kết hợp với lâm nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ và thuê mướn lao động. Khai thác nguồn lợi tự nhiên - hoạt

động phổ biến của nhiều tộc người trước đây nay không còn giữ vai trò quan trọng.

Những đổi thay về kinh tế là cơ sở cho những thay đổi về xã hội và văn hóa. Di dân nội vùng; di dân đến đồng bằng, đô thị; di dân xuyên quốc gia của vùng miền núi và dân tộc vì mục đích sinh kế ngày càng trở nên mạnh mẽ. Quan hệ dân tộc - kể cả quan hệ trong nước và xuyên quốc gia thêm đa dạng và năng động. Việc xen cư cùng hôn nhân hỗn hợp dân tộc đã thành hiện tượng phổ biến tại nhiều địa phương. Đời sống văn hóa của mỗi cộng đồng được tiếp thu nhiều yếu tố mới càng thêm phong phú. Cùng với giao lưu, hội nhập về xã hội, văn hóa cũng xuất hiện khuynh hướng giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người và đề cao ý thức tự giác tộc người hay nhóm địa phương.

5. Qua các công trình nghiên cứu về tộc người từ năm 1980 đến nay, còn nhận thấy *một số vấn đề cấp thiết liên quan đến phát triển của các dân tộc ở nước ta. Trước hết*, việc xóa đói giảm nghèo ở một bộ phận các tộc người thiểu số, nhất là tại vùng cao, vùng sâu vùng xa vẫn còn thách thức. Mặc dù nhiều chính sách ưu tiên của Nhà nước về phát triển đối với dân tộc thiểu số được thực hiện, song kết quả không tương xứng bởi phương pháp, cách thực hiện chưa phù hợp, và còn bởi sự trì trệ của tập quán. *Thứ hai*, sự phân hóa xã hội ngày một gia tăng, đặc biệt là phân hóa giàu nghèo giữa dân tộc đa số và dân tộc thiểu số. Nguyên nhân của thực trạng trên chủ yếu do chênh lệch về tình trạng phát triển, truyền thống và năng lực cạnh tranh trong điều kiện kinh tế thị trường. *Thứ ba*, mất văn hóa và bản sắc tộc người của các dân tộc thiểu số ngày càng trầm trọng do tác động của giao lưu, hội nhập, đặc

biệt là của văn hóa dân tộc Kinh và văn hóa ngoại lai. Tuy nhiên, việc giữ gìn và khôi phục các giá trị văn hóa đã nêu vẫn là vấn đề nan giải. *Thứ tư*, xung đột cục bộ giữa các bộ phận dân cư của dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, của dân tộc thiểu số với cộng đồng quốc gia - dân tộc còn tiềm ẩn. Các xung đột này vẫn có khả năng bùng phát do tác động trực tiếp của mâu thuẫn về đất đai và những lợi ích khác; do tác động sâu xa của những biến cố lịch sử, tâm lý tộc người và của các thế lực thù địch. *Thứ năm*, việc xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc trong bối cảnh mới đang đứng trước những thách thức mới về sự toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ; sự thống nhất về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của siêu cộng đồng dân cư trong sự khác biệt về tộc người, tôn giáo và nhóm xã hội. Với những khó khăn và mâu thuẫn cùng tiềm ẩn về xung đột cục bộ nêu trên, việc quản trị của Nhà nước về xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc đòi hỏi phải nâng lên tầm cao mới.

3. Một số định hướng nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam trong thời gian tới

Trong bối cảnh mới, vấn đề dân tộc ở Việt Nam từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ có những biến thái mới. Quá trình tộc người, hay cụ thể hơn là quá trình phát triển và biến đổi của các tộc người chịu tác động sâu sắc của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Theo đó, cả hai xu hướng cố kết và phân ly ở các tộc người vẫn diễn ra đồng thời, nhưng với mức độ mạnh hơn. Cố kết cộng đồng là đặc trưng của xã hội loài người, chỉ khác biệt ở nội dung và hình thức tại mỗi thời điểm hay giai đoạn lịch sử. Với nhận thức ngày càng cao, lại được hỗ trợ của thông tin liên lạc hiện

đại, cố kết tộc người không chỉ trong quan hệ dòng họ hay người thân mà sẽ lan tỏa tới nhiều nhóm xã hội, những người đồng tộc xuyên quốc gia dựa trên lợi ích, bản phận xã hội, đồng cảm văn hóa hay niềm tin tôn giáo. Cùng với cố kết, sự phân ly cũng diễn ra do tương tác của di dân và/hoặc hội nhập giữa các nhóm tộc người, nhất là trong cùng môi trường sống và qua hôn nhân hỗn hợp dân tộc. Như vậy, tộc người sẽ luôn gắn bó chặt chẽ với vấn đề phát triển kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng. Trong thời gian tới, *giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người và quan hệ tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc* sẽ là các lĩnh vực trọng yếu của vấn đề dân tộc ở nước ta.

Trên cơ sở những dự báo nêu trên và để khắc phục các hạn chế của giai đoạn trước, chúng tôi đề xuất một số định hướng nghiên cứu về tộc người từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 như sau:

1. *Cấu trúc tộc người trong bối cảnh mới*. Như đã trình bày ở trên, hôn nhân hỗn hợp dân tộc, giao lưu và tiếp biến văn hóa sẽ ảnh hưởng đến ý thức tự giác tộc người và việc xác định thành phần tộc người. Bởi vậy, cần có các chỉ báo mới, khung phân tích mới trong xác định thành phần dân tộc.

2. *Bản sắc văn hóa tộc người trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*. Bản sắc văn hóa tộc người là yếu tố cơ bản tạo nên tộc người, song không bất biến mà đổi thay qua thời gian và có thể được cấu trúc mới. Việc nhận diện bản sắc văn hóa tộc người trong bối cảnh giao lưu, tiếp biến văn hóa diễn ra mạnh mẽ là rất cần thiết.

3. *Các quan hệ tộc người đa chiều và phức tạp, đặc biệt là quan hệ dân tộc xuyên quốc gia*. Quan hệ tộc người có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của các dân tộc và là vấn đề không bao giờ xưa cũ ở quốc gia đa dân tộc. Cần nghiên cứu các chiều cạnh mới với các hình thức mới của quan hệ đó hiện nay, đặc biệt là quan hệ dân tộc xuyên quốc gia. Trong nghiên cứu về quan hệ tộc người, cần chú trọng quan hệ của dân tộc thiểu số với dân tộc đa số và quan hệ của tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc.

4. *Tác động của vấn đề tộc người đến phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng*. Vấn đề tộc người có mối quan hệ chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta, bởi vậy cần chú trọng hơn nữa việc nghiên cứu về xóa đói giảm nghèo, xóa bỏ khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm xã hội trong mỗi tộc người và giữa các tộc người. Xung đột tộc người luôn gắn với ổn định chính trị và an ninh quốc phòng nên cần chú trọng vấn đề này trong điều kiện mới.

5. *Xây dựng cơ sở khoa học cho bổ sung, hoàn thiện chính sách dân tộc để phát triển ở các tộc người và quản lý quan hệ dân tộc*. Chính sách dân tộc là yếu tố then chốt để quản lý vấn đề dân tộc. Các nghiên cứu cần đề xuất cơ sở khoa học vững chắc cho việc bổ sung và hoàn thiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong sự phát triển và biến đổi về quá trình tộc người ở nước ta dưới tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Kết luận

Tổng kết nghiên cứu về tộc người ở nước ta từ năm 1980 đến nay, trên cơ sở đó,

đề xuất định hướng nghiên cứu trong thời gian tới là nhiệm vụ quan trọng không chỉ của Viện Dân tộc học mà còn của ngành Dân tộc học/Nhân học Việt Nam. Qua 5 năm thực hiện, cuộc tổng kết này đã đạt được nhiều thành tựu, góp phần cho sự phát triển của Dân tộc học/Nhân học và công tác dân tộc ở nước ta.

Như mục tiêu cuộc tổng kết đã đề ra, việc tổng kết không chỉ nhận diện thành tựu hay hạn chế của một giai đoạn phát triển mà quan trọng hơn, cần đề xuất hướng nghiên cứu trong giai đoạn mới. Bởi vậy, trên cơ sở các định hướng nghiên cứu đã nêu, chúng tôi tiếp tục đề xuất một số giải pháp thực hiện, cũng để thay lời kết cho bài viết này. Cụ thể như sau:

Một là, áp dụng, tiến tới xây dựng các lý thuyết nghiên cứu về tộc người phù hợp với bối cảnh của Việt Nam và khu vực. Trong hàng thế kỷ qua, khoa học xã hội Việt Nam nói chung và Dân tộc học/Nhân học nói riêng đều hạn chế sử dụng, nhất là hạn chế trong xây dựng lý thuyết nghiên cứu. Vấn đề này cần được khắc phục vào thập kỷ tới.

Hai là, chú trọng Nhân học tộc người (Anthropology of Ethnicity). Xu hướng chuyển từ Dân tộc học sang Nhân học của nước ta khó có thể trở ngược, tuy nhiên, vấn đề tộc người vẫn giữ vị trí rất quan trọng ở Việt Nam. Bởi vậy, cần chú trọng hơn nữa Nhân học tộc người để phát huy ưu thế của Nhân học trong nghiên cứu về tộc người, song không ảnh hưởng đến hội nhập.

Ba là, phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức nghiên cứu, đào tạo và xuất bản. Việc phối hợp này cần xây dựng trên cơ sở hợp tác qua triển khai đề tài, dự án và hội thảo.

Trong bối cảnh hiện nay, nên phát huy tốt hơn nguồn lực tự có và tinh thần vì khoa học.

Bốn là, phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức nghiên cứu, đào tạo và tổ chức làm công tác dân tộc. Việc phối hợp này vừa chuyển giao kết quả nghiên cứu để đóng góp cho thực tiễn, vừa đáp ứng nhu cầu của thực tiễn.

Năm là, tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, đào tạo và xuất bản. Hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực này sẽ góp phần nâng cao chất lượng và tăng cường hội nhập của Dân tộc học/Nhân học Việt Nam với thế giới; trên cơ sở đó, phát triển ngày càng nhiều những sản phẩm khoa học đạt chuẩn quốc tế.

Tài liệu tham khảo

1. Barth, F. (1969), *Ethnic Groups and Boundaries*, Little, Brown.
2. Nguyễn Văn Chính (2013), “Dân tộc học ở Mỹ: Đặc điểm, khuynh hướng và cơ sở lý luận”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 103-115.
3. Nguyễn Văn Chính (2015), “Vấn đề tộc người và nghiên cứu Nhân học ở các nước Đông Nam Á”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 135-142.
4. Phan Hữu Dật (Chủ biên) (2001), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quan hệ dân tộc hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Khổng Diễn - Bùi Minh Đạo (Chủ biên) (2003), *Dân tộc học Việt Nam thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Khổng Diễn (2003), “Tổng quan về Dân tộc học Việt Nam trong một thế kỷ

qua”, trong: Không Diễn - Bùi Minh Đạo (Chủ biên) (2003), *Dân tộc học Việt Nam thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 15-54.

7. Ma Ngọc Dung (2013), “Công tác nghiên cứu Dân tộc học tại Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 49-57.

8. Lưu Hùng (2013), “Tình hình nghiên cứu về các tộc người ở Việt Nam của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 30-36.

9. Kroeber, Alfred L (1939), *Cultural and Natural Areas of Native North America*, University of California Press, Berkeley, CA.

10. Lâm Bá Nam và cộng sự (2013), “Nghiên cứu và giảng dạy về tộc người ở Bộ môn Nhân học (1980 - 2012)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 15-23.

11. Otakepor, Nkeonye, *Cultural Relativism: Some Comments*, trên trang <http://logica.ugent.be/philosophica/fulltexts/53-3.pdf>, truy cập ngày 15/5/2016.

12. Richards, F. J. (1929), “Cultural Region in India”, *Geography*, Vol. 15, No. 1, Pp. 20-29.

13. Đặng Kim Sơn và cộng sự (2012), *Nghiên cứu và soát phân tích các chính sách dân tộc thiểu số và hỗ trợ xây dựng khung chính sách cho Ủy ban Dân tộc*, CEMA, UNDP, Báo cáo.

14. Tạp chí Dân tộc học (2013), “Số chuyên đề: Nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2.

15. Tạp chí Dân tộc học (2014), “Số chuyên đề thứ 2: Nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2.

16. Tạp chí Dân tộc học (2015), “Số chuyên đề thứ 3: Nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2.

17. Cao Văn Thanh (2010), “Chính sách kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay”, trong: Đậu Tuấn Nam (Chủ biên), *Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 99-121.

18. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (1993), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

19. Vermeulen, Hans & Cora Govers (2000), *The Anthropology of Ethnicity: Beyond “Ethnic Groups and Boundaries”*, Het Spinhuis, Fourth Printing.

20. Vương Xuân Tình (2013a), “Nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay: Bước đầu nhận diện”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 7-14.

21. Vương Xuân Tình (2013b), “Định hướng phát triển của Viện Dân tộc học giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 4-13.

22. Vương Xuân Tình (2014a), “Nghiên cứu về quan hệ dân tộc ở Việt Nam (Từ năm 1980 đến nay)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 7-21.

23. Vương Xuân Tình (2014b), “Lời tựa”, trong: Viện Dân tộc học (2014), *Các*

dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc), Tái bản (có sửa chữa, bổ sung), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 9-18; và trong: Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)*, Tái bản (có sửa chữa, bổ sung), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 7-16.

24. Vương Xuân Tình (2015a), “Tổng quan chính sách dân tộc ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 17-27.

25. Vương Xuân Tình (2015b), “Tổng luận nghiên cứu tộc người và một số vấn đề về dân tộc ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay”, trong: Viện Dân tộc học, Vương Xuân Tình (Chủ biên) (2015), *Các dân tộc ở Việt Nam, Tập I, “Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 19-86.

26. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

27. Viện Dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

28. Viện Dân tộc học (2014a), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*, Tái bản (có sửa chữa, bổ sung), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

29. Viện Dân tộc học (2014b), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)*, Tái bản (có sửa chữa, bổ sung), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

30. Viện Dân tộc học, Vương Xuân Tình (Chủ biên) (2015), *Các dân tộc ở Việt Nam, Tập I, “Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.



Hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2015

Ảnh: Lục Mạnh Hùng